

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025 theo Nghị quyết 150/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh và Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh ban hành một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025 (gọi tắt là Nghị quyết 150); Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh (gọi tắt là Quyết định 596), Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh (NHNN tỉnh) hướng dẫn một số nội dung về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025 để các Ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn thực hiện như sau:

1. Về điều kiện hỗ trợ, đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất, thời gian cho vay được hỗ trợ lãi suất, hạn mức vay để tính hỗ trợ lãi suất và mức lãi suất hỗ trợ: Các NHTM thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 150 và Điều 9, Điều 10 Mục 3 Quyết định 596. Theo đó, hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất trong hạn của NHTM với lãi suất cho vay đối với hộ nghèo áp dụng trong từng thời kỳ do Chính phủ quyết định. Hạn mức vay để tính mức hỗ trợ lãi suất theo hợp đồng đi làm việc nước ngoài giữa người lao động và doanh nghiệp xuất khẩu lao động, nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng. Thời hạn hỗ trợ không quá 24 tháng kể từ ngày được NHTM cho vay vốn đi làm ở nước ngoài theo hợp đồng. (NHNN tỉnh gửi kèm Nghị quyết 150, Quyết định 596 để các NHTM nghiên cứu thực hiện).

2. Về điều kiện cho vay, quy trình thẩm định, xét duyệt cho vay được thực hiện theo quy chế tín dụng do các NHTM cấp trên quy định như các món cho vay khác cùng loại. Trong trường hợp các khách hàng thuộc đối tượng được hỗ trợ nhưng không đủ điều kiện để vay vốn hoặc khách hàng đủ điều kiện vay vốn nhưng không thuộc đối tượng hỗ trợ, các NHTM phải có văn bản trả lời lý do không cho vay. Các văn bản trả lời khách hàng được lưu tại NHTM. Trong trường hợp cần

thiết, khi có yêu cầu của các Sở, ngành có liên quan, NHTM gửi các văn bản trả lời khách hàng để kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh.

3. Về quy trình, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ lãi suất:

Ngoài các hồ sơ, thủ tục theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy chế cho vay của NHTM cấp trên, NHTM thực hiện thêm các nội dung sau:

- Có văn bản hướng dẫn các đơn vị cấp dưới thực hiện bổ sung vào Hợp đồng tín dụng hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng các nội dung liên quan về hỗ trợ lãi suất, có hình thức phù hợp để theo dõi, thống kê, lưu trữ số liệu, hồ sơ về cho vay hỗ trợ lãi suất để làm cơ sở cho các đơn vị có liên quan kiểm tra hồ sơ hỗ trợ lãi suất (khi có yêu cầu) và báo cáo NHNN tỉnh.

- Khi khách hàng gửi hồ sơ vay vốn, để xác định đối tượng được hỗ trợ lãi suất thì NHTM đề nghị khách hàng nộp giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 150 (Giấy xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo *Mẫu số 05* kèm theo Quyết định 596).

- Đến kỳ thu lãi, NHTM thực hiện thu toàn bộ số tiền lãi vay theo Hợp đồng tín dụng và cấp phiếu thu/biên lai theo quy định.

- Định kỳ 6 tháng, năm, NHTM lập 03 bản Giấy xác nhận số tiền hỗ trợ lãi suất (theo *Mẫu số 07* kèm theo Quyết định 596) (NHTM lưu 01 bản, cấp cho người được ủy quyền 01 bản, chuyển cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú 01 bản kèm theo danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất theo *Mẫu số 08* kèm theo Quyết định 596).

4. Đối với các khoản vay của khách hàng phát sinh từ ngày Quyết định 596 có hiệu lực (18/02/2020) đến ngày có văn bản hướng dẫn này nếu thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất, các NHTM hướng dẫn khách hàng bổ sung các hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. Chế độ báo cáo của NHTM:

- *Nội dung báo cáo: Mẫu số 01/BC.HTLSXKLĐ.NQ150* kèm theo Công văn này.

- *Định kỳ báo cáo:* Báo cáo hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9/2020 (Báo cáo tháng 9/2020 được lấy số liệu từ ngày 18/02/2020).

- *Ngày báo cáo:* gửi chậm nhất ngày 05 tháng tiếp theo (riêng báo cáo kỳ tháng 9/2020 gửi chậm nhất ngày 20/10/2020).

- *Nơi nhận, hình thức báo cáo:* Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ (TH,NS&KSNB), NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh. Báo cáo có chữ ký của Lãnh đạo đơn vị và đóng dấu gửi qua đường gửi nhận văn bản điện tử của UBND tỉnh hoặc qua địa chỉ Email: tonghopnhnnhatinh@gmail.com/hti4@sbv.gov.vn.

Trên đây là hướng dẫn thêm một số nội dung trong thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị quyết 150/2019/NQ-HĐND và Quyết định số 596/QĐ-UBND để các NHTM triển khai thực hiện. Các khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Ngân hàng Nhà nước tỉnh (theo địa chỉ: Phòng TH,NS&KSNB; điện thoại 02393.852.954/02393.857.057) để tổng hợp và xử lý. *h*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: LĐ-TB&XH, TC;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các NHTM (chi nhánh cấp 1);
- BGĐ Chi nhánh NHNN;
- Các Phòng thuộc Chi nhánh;
- Lưu: VT, TH,NS&KSNB.

Gửi văn bản: -VB giấy cho các tp không nhận vb điện tử;

-VB điện tử: Các tp nhận có địa chỉ VB điện tử. *nh*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Trần Hữu Cần

TỔ CHỨC TÍN DỤNG

BÁO CÁO CHO VAY HỖ TRỢ LÁI SUẤT ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY VỐN ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG THEO QUYẾT ĐỊNH 596/QĐ-UBND NGÀY 18/02/2020 CỦA UBND TỈNH

Kỳ báo cáo: Tháng..... Năm.....

Đơn vị: *Đồng, khách hàng*

STT	Chỉ tiêu	Phát sinh trong tháng báo cáo				Tại thời điểm cuối tháng báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo			
		Số khách hàng (mới) vay HTLS	Doanh số cho vay HTLS	Số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD	Số tiền lãi hỗ trợ ngân sách phải trả cho khách hàng (theo xác nhận của TCTD)	Dư nợ cho vay được HTLS	Số khách hàng còn dư nợ được HTLS	Số lượng khách hàng vay HTLS	Doanh số cho vay được HTLS	Số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD	Số tiền lãi hỗ trợ ngân sách phải trả cho khách hàng (theo xác nhận của TCTD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Huyện Kỳ Anh										
2	Huyện Cẩm Xuyên										
3										

Ghi chú: Số khách hàng vay trong tháng báo cáo (cột 3) chi báo cáo các khách hàng mới phát sinh vay món vay đầu tiên.

Hà Tĩnh, ngày tháng năm

LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên, sắt liền hệ)

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 150/2019/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động
đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thu thập, xử lý thông tin thị trường lao động;

Sau khi xem xét Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2025; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng

nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động là thân nhân người có công với cách mạng; người lao động là người dân tộc thiểu số.

2. Người lao động thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình.

3. Người lao động không thuộc một trong các đối tượng sau đây:

a) Người lao động thuộc các hộ gia đình bị thu hồi đất được hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

b) Người lao động thuộc hộ gia đình có hộ khẩu thường trú dài hạn tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

c) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các Chương trình hợp tác lao động vì mục đích phi lợi nhuận như: Chương trình EPS tại Hàn Quốc; Chương trình điều dưỡng/hộ lý/chăm sóc người già tại CHLB Đức và Nhật Bản; Chương trình thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản của Tổ chức IM JAPAN.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ HỖ TRỢ CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và làm thủ tục hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Điều kiện hỗ trợ: Người lao động có thị thực (VISA) và ký hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân ký với chủ sử dụng lao động.

2. Mức hỗ trợ

a) Người lao động được quy định tại khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết này được hỗ trợ theo định mức quy định tại Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Liên bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính.

b) Người lao động có mức sống trung bình trở lên không thuộc một trong những đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 2 của Nghị quyết này được hỗ trợ: Học phí học nghề: 1.000.000 đồng/người; Học phí học ngoại ngữ: 1.000.000 đồng/người; Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: 530.000 đồng/người; Khám sức khỏe: 750.000 đồng/người; Làm hộ chiếu: 200.000 đồng/người; Đóng Quỹ hỗ trợ lao động ngoài nước: 100.000 đồng/người.

Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Điều kiện hỗ trợ: Người lao động được quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết này có thị thực (VISA) và ký hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân ký với chủ sử dụng lao động có nhu cầu vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Lãi suất và thời hạn hỗ trợ:

a) Lãi suất hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ phân chênh lệch lãi suất trong hạn của ngân hàng thương mại với lãi suất cho vay đối với hộ nghèo áp dụng trong từng thời kỳ do Chính phủ quyết định;

b) Hạn mức vay để tính mức hỗ trợ lãi suất: Theo hợp đồng đi làm việc nước ngoài giữa người lao động và doanh nghiệp xuất khẩu lao động, nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng;

c) Thời hạn hỗ trợ: Không quá 24 tháng kể từ ngày được ngân hàng cho vay vốn đi làm ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 5. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động, học sinh, sinh viên và cung ứng lao động miễn phí

1. Điều kiện hỗ trợ: Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sàn giao dịch việc làm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho lao động, học sinh, sinh viên và cung ứng lao động miễn

phí cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ định mức quy định tại Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm, để ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực việc làm và hướng dẫn thực hiện.

Điều 6. Hỗ trợ thu thập, xử lý thông tin về thị trường lao động

1. Điều kiện hỗ trợ: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin về thị trường lao động theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Mức hỗ trợ:

a) Rà soát, cập nhật bổ sung thông tin của người lao động trong các hộ gia đình: 3.000 đồng/hộ có thông tin thay đổi;

b) Nhập, xử lý thông tin thay đổi về tình trạng việc làm, trình độ chuyên môn, học vấn của người lao động trên phần mềm cung lao động: 1.000 đồng/hộ;

c) Khảo sát thực trạng và nhu cầu sử dụng lao động doanh nghiệp, hợp tác xã: 25.000 đồng/đơn vị;

d) Nhập, xử lý thông tin về thực trạng và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã trên phần mềm cầu lao động: 5.000 đồng/đơn vị.

Chương III

KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách trung ương.

2. Ngân sách tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTƯQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 596/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 02 năm 2020



Trung tâm Công
báo - Tin học
19.02.2020
13:51:50
07:00

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động miễn phí áp dụng đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 29/TTr-SLĐTBXH-LĐVL ngày 17 tháng 01 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Chánh VP, PVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, XV₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Vinh

QUY ĐỊNH

**Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND
ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách
giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp
đồng giai đoạn 2019 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Mục 1

**Hỗ trợ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động
là thân nhân người có công với cách mạng; người lao động là dân tộc thiểu
số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Điều 1. Đối tượng hỗ trợ

Người lao động được Quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND).

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

Quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết.

a) Hỗ trợ đào tạo nghề: Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

b) Đào tạo ngoại ngữ: Mức hỗ trợ theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa không quá 3 triệu đồng/người/khóa học;

c) Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: Mức hỗ trợ không quá 530.000 đồng/người/khóa học.

2. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian đào tạo: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày.

3. Hỗ trợ chi phí đi lại (01 lượt đi và về).

a) Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên.

b) Mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên.

4. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hồ sơ để đi làm việc ở nước ngoài.

a) Hỗ trợ 100% tiền làm hộ chiếu theo định mức quy định tại Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.

b) Hỗ trợ 100% chi phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo định mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 năm 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.

c) Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động.

d) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

Điều 3. Quy trình thực hiện

1. Người lao động trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú.

2. Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của người lao động, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thanh toán tiền hỗ trợ (trực tiếp hoặc qua tài khoản ngân hàng) cho người lao động; lưu giữ các hồ sơ, chứng từ theo quy định.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

1. Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01.

2. Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND, bao gồm:

a) Người lao động là người dân tộc thiểu số: Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động.

c) Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng: Giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu số 04.

3. Bản sao có chứng thực hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động và chủ sử dụng lao động (nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và chứng thực) và Giấy xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

4. Bản sao có chứng thực hộ chiếu và bản sao VISA/thị thực.

5. Bản sao có chứng thực chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động.

6. Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.

Mục 2

Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND

Điều 5. Đối tượng hỗ trợ

Người lao động được quy định tại Quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

Quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

Điều 7. Quy trình thực hiện

1. Người lao động trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú.

2. Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của người lao động, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thanh toán tiền hỗ trợ (thanh toán trực tiếp hoặc qua tài khoản ngân hàng) cho người lao động và lưu giữ các hồ sơ, chứng từ theo quy định.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

1. Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02.

2. Bản sao có chứng thực hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động và chủ sử dụng lao động (*nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và chứng thực*) và Giấy xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

3. Bản sao có chứng thực hộ chiếu và bản sao thị thực (VISA).

4. Bản sao có chứng thực chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động.

5. Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu.

Mục 3

Hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Điều 9. Đối tượng hỗ trợ

Người lao động được Quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

Điều 10. Mức vay, thời hạn vay và mức hỗ trợ lãi vay

1. Mức vay được hỗ trợ lãi suất

a) Mức cho vay: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng thương mại về việc cho người lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Mức vay được hỗ trợ lãi suất: Theo thực tế hợp đồng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài với Ngân hàng cho vay nhưng tối đa không vượt quá 100 triệu đồng/người.

2. Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay: Thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

3. Đơn vị cho vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Các Ngân hàng thương mại hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

4. Thời hạn cho vay và thời hạn hỗ trợ lãi suất tiền vay

a) Thời hạn cho vay: Tối đa bằng thời hạn được ghi trên hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân ký giữa người lao động và chủ sử dụng lao động.

b) Thời hạn hỗ trợ lãi suất tiền vay: Thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

Điều 11. Quy trình thực hiện

Bước 1: Người lao động sau khi được Ngân hàng giải ngân cho vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn tại Điều 12 của Quy định này (trừ thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 6) và trực tiếp nộp hồ sơ cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú để làm căn cứ xem xét, thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất cho người lao động.

Bước 2: Đến kỳ thu lãi, Ngân hàng thực hiện thu toàn bộ số tiền lãi vay theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) và cấp phiếu thu/biên lai theo quy định.

Định kỳ 6 tháng, năm, Ngân hàng có trách nhiệm lập Giấy xác nhận số tiền hỗ trợ lãi suất theo Mẫu số 07 (cấp cho người được ủy quyền giữ 01 bản, chuyển cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện 01 bản kèm theo Danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất theo Mẫu số 08 và Ngân hàng lưu 01 bản).

Bước 3: Người được ủy quyền của người lao động làm giấy đề nghị thanh toán hỗ trợ tiền lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài (theo Mẫu số 06) và kèm phiếu thu/biên lai thu tiền lãi vay của Ngân hàng để nộp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của người được ủy quyền, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ của người lao động đã nộp trước khi xuất cảnh và thực thanh toán tiền hỗ trợ (thanh toán trực tiếp hoặc qua Tài khoản Ngân hàng) cho người ủy quyền và lưu giữ các hồ sơ, chứng từ theo quy định.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất

1. Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Mẫu số 03.

2. Bản sao có chứng thực Hợp đồng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký giữa Ngân hàng thương mại với người lao động hoặc đại diện của người lao động.

3. Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND (Giấy xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 05).

4. Bản sao có chứng thực hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động và chủ sử dụng lao động (*nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và chứng thực*) và Giấy xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

5. Bản sao có chứng thực Hộ chiếu và bản sao Visa/thị thực.

6. Giấy xác nhận số tiền hỗ trợ lãi suất (theo Mẫu số 07) do ngân hàng thương mại cấp cho người ủy quyền định kỳ 6 tháng, năm.

CHƯƠNG II

HỖ TRỢ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, HỌC SINH, SINH VIÊN VÀ CUNG ỨNG LAO ĐỘNG MIỄN PHÍ

Điều 13. Đối tượng hỗ trợ

Trung tâm Dịch vụ việc làm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho lao động, học sinh, sinh viên và cung ứng lao động miễn phí cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Nội dung và mức hỗ trợ

Thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND và Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động miễn phí áp dụng đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh.

Điều 15. Quy trình thực hiện và hồ sơ thanh toán

Thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước hiện hành, Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản có liên quan khác.

CHƯƠNG III

HỖ TRỢ THU THẬP, XỬ LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Điều 16. Đối tượng hỗ trợ

Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin về thị trường lao động theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thu thập, xử lý thông tin thị trường lao động:

Điều 17. Nội dung và mức hỗ trợ

Quy định tại Khoản 2, Điều 6, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

Điều 18. Quy trình thực hiện

1. Trước ngày 01/10 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí thu thập, xử lý thông tin về thị trường lao động của năm sau gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp vào dự toán chung của ngành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định cấp dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc tổ chức thu thập thông tin cung cầu lao động.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch thu thập, xử lý thông tin về thị trường lao động hàng năm và chỉ đạo các phòng, ngành cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí cán bộ, điều tra viên trực tiếp đến các hộ gia đình để cập nhật thông tin về cung lao động và trực tiếp đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động để cập nhật thông tin về cầu lao động theo hướng dẫn của Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH.

Trên cơ sở kết quả cập nhật bổ sung thông tin vào Sổ ghi chép thông tin cung - cầu lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí cán bộ cập nhật thông tin biến động vào phần mềm; lập danh sách các hộ gia đình có thông tin biến động được ghi chép trên phiếu; lập danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị được khảo sát thông tin về cầu lao động; tổng hợp, kết xuất dữ liệu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiệm thu, phê duyệt kết quả khảo sát thông tin.

3. Căn cứ kết quả phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; kết quả kiểm tra, giám sát, nghiệm thu dữ liệu của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện thanh lý hợp đồng với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 19. Hồ sơ thanh toán chính sách hỗ trợ

1. Hồ sơ thanh toán thu thập thông tin cung cầu lao động

a) Danh sách hộ gia đình được cập nhật thông tin biến động về tình trạng việc làm, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn.

b) Danh sách điều tra viên nhận tiền hỗ trợ khảo sát, thu thập thông tin biến động về tình trạng việc làm, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn... của người lao động.

c) Danh sách nhận tiền hỗ trợ của cán bộ nhập, xử lý thông tin thay đổi về tình trạng việc làm, trình độ chuyên môn, học vấn của người lao động trên phần mềm cung lao động.

d) Quyết định phê duyệt kết quả khảo sát thông tin thị trường lao động hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Biểu tổng hợp thông tin thị trường lao động kết xuất từ phần mềm (phần cung lao động).

f) Biên bản nghiệm thu, đánh giá dữ liệu thông tin cập nhật trên phần mềm của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh.

2. Hồ sơ thanh toán thu thập thông tin cầu lao động

a) Danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã được cập nhật thông tin về thực trạng và nhu cầu sử dụng lao động.

b) Danh sách điều tra viên nhận tiền hỗ trợ khảo sát, thu thập thông tin biến động về tình trạng và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Danh sách nhận tiền hỗ trợ của cán bộ nhập, xử lý thông tin về thực trạng và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã trên phần mềm cầu lao động.

d) Quyết định của UBND cấp huyện về phê duyệt kết quả khảo sát, thu thập thông tin về thực trạng và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

e) Biểu tổng hợp thông tin thị trường lao động kết xuất từ phần mềm (phần cầu lao động).

f) Biên bản nghiệm thu, đánh giá dữ liệu thông tin cập nhật trên phần mềm của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách được quy định tại Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

- Phối hợp với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh hướng dẫn người lao động thuộc hộ gia đình có mức thu nhập trung bình vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tiền ký quỹ (100 triệu đồng/người) đối với những lao động làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS hết hạn hợp đồng không về nước hoặc vi phạm hợp đồng.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh tổ chức tốt các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động và học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động của Trung tâm và các Phiên giao dịch việc làm.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và kinh phí thu thập, xử lý thông tin thị trường lao động.

- Định kỳ 6 tháng 01 lần tổ chức kiểm tra, giám sát tại các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị liên quan; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các chính sách theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, đơn vị có liên quan... sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí; tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá việc sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Sở Y tế

Chỉ đạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các cơ sở y tế được Bộ Y tế cho phép khám sức khỏe cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài tổ chức khám sức khỏe và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ cho người lao động để làm cơ sở thanh toán các chính sách theo quy định

4. Sở Tư pháp: Cung cấp, xác nhận lý lịch tư pháp và các giấy tờ khác (nếu có) cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của nước tiếp nhận lao động.

5. Công an tỉnh: Chỉ đạo Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh làm thủ tục hồ sơ đề nghị Cục Quản lý Xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu; cung cấp đầy đủ hóa đơn, phiếu thu cho người lao động để làm cơ sở thanh toán các chính sách hỗ trợ theo quy định.

6. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước Hà Tĩnh

a) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tuyên truyền, hướng dẫn các địa phương, khách hàng thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thanh quyết toán hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

b) Hướng dẫn các Ngân hàng thương mại theo dõi, thống kê, lưu trữ hồ sơ cho vay hỗ trợ lãi suất; định kỳ 6 tháng (trước ngày 05/7), năm (trước ngày

15/12), tổng hợp kết quả thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính.

7. Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh

- Thẩm định hồ sơ vay vốn của khách hàng thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND và quy chế cho vay của từng Ngân hàng; phối hợp với các doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng để giải ngân vốn vay, thu hồi nợ và giải quyết các vấn đề phát sinh.

- Thực hiện thu lãi tiền vay; định kỳ 06 tháng, năm, lập Danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất (theo Mẫu số 08) kèm theo các Giấy xác nhận số tiền hỗ trợ lãi suất (theo Mẫu 07) gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú để nắm, theo dõi số liệu, làm cơ sở thanh toán tiền lãi hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND.

- Định kỳ lập báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND gửi Ngân hàng nhà nước tỉnh để tổng hợp (báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05 tháng 7, báo cáo năm gửi trước ngày 10 tháng 12).

8. Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh

- Thực hiện tốt các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động và học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động giao dịch việc làm hàng ngày và các phiên giao dịch việc làm hàng tháng; giới thiệu, cung ứng lao động miễn phí cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, giám sát các xã, phường, thị trấn tổ chức thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin về thị trường lao động hàng năm theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cập nhật dữ liệu thông tin thị trường lao động của các huyện, thành phố, thị xã vào phần mềm thông tin thị trường lao động quốc gia; tham mưu tổng hợp, kết xuất dữ liệu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo đúng thời gian và biểu mẫu quy định.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các chính sách về giải quyết việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND đến tận cơ sở và người lao động;

- Lập dự toán kinh phí thu thập thông tin thị trường lao động; dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; dự toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, gửi Sở Tài chính soát xét, tham mưu UBND tỉnh cấp tạm ứng cho các địa phương.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận lao động thuộc: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng và hướng dẫn người lao động làm các thủ tục hồ sơ đề nghị hưởng chính sách theo quy định.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp thanh toán tiền hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và làm các thủ tục hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài; thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo định kỳ hàng quý; thanh toán tiền hỗ trợ điều tra viên thu thập thông tin thị trường lao động.

- Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6 và 20/12 hàng năm) tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

10. Doanh nghiệp xuất khẩu lao động/tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Thực hiện ký kết hợp đồng, tổ chức đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng, thu phí dịch vụ, phí quản lý lao động theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ cho người lao động để làm thủ tục hồ sơ thanh toán các chính sách hỗ trợ.

- Phối hợp với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong việc làm các thủ tục hồ sơ cho vay vốn, thu hồi nợ và giải quyết các vấn đề liên quan giữa người lao động và Ngân hàng.

11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách: Các tổ chức, cá nhân được hưởng kinh phí hỗ trợ chính sách từ ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, số liệu đề xuất hỗ trợ kinh phí; sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, quản lý và hạch toán kế toán đúng quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2025 theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Mẫu số 01: Áp dụng đối với người lao động là người dân-tộc thiểu số, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
(Chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:.....

CMTND/CCCD/hộ chiếu số..... ngày cấp: cơ quan cấp:.....

Đăng ký thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:

Đối tượng: Dân tộc thiểu số Hộ nghèo Hộ cận nghèo

Thân nhân của người có công với cách mạng

Tôi làm đơn này kính đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
hỗ trợ chi phí học nghề, ngoại ngữ và các chi phí khác theo quy định tại Nghị
quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Hà Tĩnh để đi làm việc tại Nước: theo hợp đồng với đơn
vị/doanh nghiệp:

Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....

Bao gồm:

- Chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ:đồng
 - Chi phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết:đồng
 - Tiền ăn, ở trong thời gian học:đồng
 - Chi phí đi lại:đồng
 - Chi phí trang cấp ban đầu(nếu có):đồng
 - Chi phí khám sức khỏe:đồng
 - Chi phí khám làm hộ chiếu.....đồng
 - Chi phí làm VISA:đồng
 - Chi phí làm lý lịch tư pháp:đồng
- (Hồ sơ, chứng từ kèm theo).

Hình thức nhận tiền hỗ trợ: Tiền mặt

Chuyển khoản

Trường hợp nhận tiền hỗ trợ thông qua tài Khoản ngân hàng, đề nghị chuyển tiền vào Tài khoản (tên Tài khoản):

Số Tài khoản: tại Ngân hàng:

Tôi hiểu mọi quyền lợi được hỗ trợ và xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước và quy định của tỉnh Hà Tĩnh./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn (2):.....

Xác nhận ông (bà) đăng ký thường trú tại xã/phường/
thị trấn:..... huyệntỉnh Hà Tĩnh,
thuộc đối tượng (3): trong danh sách do xã quản lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người lao động đăng ký thường trú

(2) UBND cấp xã nơi người lao động đăng ký thường trú.

(3) Ghi rõ đối tượng được xác nhận là: hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc người cư trú ở huyện nghèo.

Mẫu số 02: Áp dụng đối với các đối tượng được quy định điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
(Chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:.....

CMTND/CCCD/hộ chiếu số:..... ngày cấp: cơ quan cấp:.....

Đăng ký thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:

Là đối tượng được quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Phòng Lao động Thương binh và Xã hội.....

.....hỗ trợ chi phí học nghề, ngoại ngữ và các chi phí khác theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để đi làm việc tại Nước: theo hợp đồng với đơn vị/doanh nghiệp:

Số tiền đề nghị hỗ trợ: đồng

Bao gồm:

- Chi phí học phí học nghề: đồng

- Chi phí học phí học ngoại ngữ: đồng

- Chi phí khám sức khỏe..... đồng

- Chi phí làm hộ chiếu: đồng

- Bồi dưỡng kiến thức cần thiết..... đồng

- Đóng quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: đồng

(Hồ sơ, chứng từ kèm theo).

Hình thức nhận tiền hỗ trợ: Tiền mặt

Chuyển khoản

Trường hợp nhận tiền hỗ trợ thông qua tài Khoản ngân hàng, đề nghị chuyển tiền vào Tài khoản (tên Tài khoản):

Số Tài khoản: tại Ngân hàng:

Tôi hiểu mọi quyền lợi được hỗ trợ và xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước và quy định của tỉnh Hà Tĩnh./.

....., ngày tháng ... năm ...

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:.....

Xác nhận ông (bà) đăng ký thường trú tại xã/phường/ thị trấn:..... huyện, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Áp dụng đối với các đối tượng với người lao động thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:

CMTND/CCCD/hộ chiếu số: ngày cấp: cơ quan cấp:

Đăng ký thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:

Là đối tượng thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình được quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (có Giấy đề nghị xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình có xác nhận của UBND xã.... kèm theo).

Tôi làm đơn này kính đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.....và Ngân hàng..... ..(nơi cho vay) thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh thông qua hợp đồng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài số..... ngày/tháng/năm.... đã ký với Ngân hàng.... (nơi cho vay)".

Hình thức thanh toán: Ủy quyền cho ông/ bà.....số CMND/CCCD..... định kỳ trả nợ gốc và nợ lãi theo quy định cho ngân hàng.....(nơi cho vay) và nhận tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.....

Tôi hiểu mọi quyền lợi được hỗ trợ và xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước và quy định của tỉnh Hà Tĩnh./.

....., ngày tháng ... năm ...

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người làm đơn
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:.....

Xác nhận ông (bà) đăng ký thường trú tại xã/phường/
thị trấn:..... huyện tỉnh Hà Tĩnh, thuộc
đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 150/2019/NQ-
HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04: Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

1. Thông tin về thân nhân người có công với cách mạng

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Quan hệ với người có công với cách mạng (1):.....

2. Thông tin về người có công với cách mạng

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:.....

Thuộc diện người có công (2):.....

Số hồ sơ:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Xác nhận của cơ quan có
thẩm quyền (4)

Ông/bà:.....

Là thân nhân người có
công với cách mạng.

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)

..., ngày...tháng...năm...

Xác nhận của người có
công (3)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày...tháng...năm...

Người đề nghị xác nhận
(Chữ ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi quan hệ người đề nghị xác nhận với người có công với cách mạng: cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

(2) Ghi rõ loại đối tượng người có công với cách mạng.

(3) Mục này không áp dụng đối với liệt sĩ, người có công đã tử trận

(4) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền:

- Trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công xác nhận người có công với cách mạng do Trung tâm quản lý.

- Đơn vị quân đội, công an có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận người có công với cách mạng do đơn vị quân đội, công an quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người có công với cách mạng đối với những trường hợp còn lại đang thường trú tại xã.

Mẫu số 05: Giấy xác nhận lao động lao động thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH HỘ GIA ĐÌNH
LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP VÀ DIỆM NGHIỆP
CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên:Giới tính: Nam: , Nữ:

Sinh ngày: tháng nămDân tộc:

Số CMND/CCCD: Nơi cấp: Ngày cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nghề nghiệp (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp):.....

Chỗ ở hiện tại

Là thành viên thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình

Ước tính thu nhập bình quân của gia đình/tháng (ngàn đồng/tháng):

..... Thông tin các thành viên của hộ:

Số TT	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ (Vợ, chồng, con...)
01		
02		
03		
...		

Xác nhận của UBND xã, ngày.....tháng..... năm 20....
Xác nhận Ông (bà) có hộ khẩu	Người đề nghị
thường trú tại xã (phường, thị	(Ký, ghi rõ họ và tên)
trấn): thuộc hộ gia đình có mức	
sống trung bình	
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN	
CHỦ TỊCH	
(Ký tên và đóng dấu)	

Mẫu số 06: Giấy đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
Số tiền được hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND
Thời gian:

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội... ..

Họ và tên người đề nghị thanh toán:.....

Ngày, tháng, năm sinh:CMTND/CCCD/hộ chiếu số:.....

ngày cấp: cơ quan cấp:.....

Đăng ký thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:

Được ủy quyền của lao động:..... thường trú tại xã
..... huyện..... tỉnh Hà Tĩnh.

Thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với lao động:..... đi làm việc tại Nước
.....

Số tiền đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn từ tháng...đến tháng...năm..... đồng (Bằng chữ:.....).

(Kèm theo: Bản sao: Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động; giấy xác nhận tiền thu lãi vay của ngân hàng).

Hình thức nhận tiền: Tiền mặt Chuyển khoản

Trường hợp nhận tiền hỗ trợ thông qua tài Khoản ngân hàng, đề nghị chuyển tiền vào Tài khoản (tên Tài khoản):

Số Tài khoản: tại Ngân hàng:/.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị thanh toán
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07: Giấy xác nhận số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

Ngân hàng: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /GXN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN SỐ TIỀN HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Từ ngày/tháng/năm..... đến ngày/tháng/năm.....

- Tên Khách hàng vay vốn:
- Địa chỉ khách hàng vay vốn:.....
- Tên Người được khách hàng ủy quyền:.....
- Số CMTND của người được ủy quyền:.....

I. Ngân hàng và Người được ủy quyền xác nhận: Số lãi tiền vay được hỗ trợ phải trả cho khách hàng do khi thu lãi tiền vay TCTD chưa khấu trừ số tiền lãi được hỗ trợ cho khách hàng:

Đơn vị: đồng

TT	Số HĐTD hoặc Giấy nhận nợ	Ngày tháng giải ngân	Thời hạn khoản vay	Mục đích vay cụ thể	Lãi suất cho vay theo HĐTD (%/năm)	Mức lãi suất được hỗ trợ (%/năm)	Dư nợ vay được hỗ trợ lãi suất (HTL S)	Thời hạn được HTLS (tháng)	Tổng số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD	Số tiền lãi hỗ trợ ngân sách phải trả cho khách hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
...										
Tổng cộng										

Tổng tiền lãi khách hàng được hỗ trợ (dòng Tổng cộng, cột 11):
(Bằng chữ:

....., Ngày ... tháng ... năm 201

Người được khách hàng ủy quyền Đại diện Ngân hàng cho vay

(Ký tên) Lập biểu TP Kế toán Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

II. Phần chi trả của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện cho người được ủy quyền:

- Tổng số tiền hỗ trợ Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện đã trả cho người được ủy quyền:.....

Bằng chữ:

- Tổng số tiền còn nợ người được ủy quyền (nếu có):.....

....., Ngày tháng năm 201.....

Người được ủy quyền nhận tiền
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Thủ quỹ TM/Phòng LĐ- TB & XH cấp huyện
(Ký tên) (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Giấy xác nhận được lập 03 bản (01 bản cấp cho người được ủy quyền giữ, 01 bản Ngân hàng chuyển cho Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện cùng Danh sách, 01 bản Ngân hàng lưu). Khi đến nhận tiền lãi hỗ trợ, Người được ủy quyền mang theo Giấy xác nhận này để Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện ghi số tiền đã chi trả vào phần II, sau đó trả lại người được ủy quyền (bản do người được ủy quyền mang đến).

Mẫu số 08: Danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

NGÂN HÀNG

Số: /DSKH

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Theo Nghị quyết 150/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh
Kỳ 6 tháng của năm.....(hoặc năm....)

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện

TT	Tên khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất	Địa chỉ khách hàng	Tên người được ủy quyền	Số Chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền	Giấy xác nhận: số/ngày (theo mẫu số 08)	Tổng số tiền lãi theo HĐTD mà ngân hàng đã thu của Khách hàng (đồng)	Trong đó: Số tiền lãi khách hàng được hỗ trợ từ ngân sách (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
...
...
...
...
...
...
...
...
...
Tổng cộng	

Số tiền bằng chữ

TP. Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày. tháng năm 201...
Giám đốc TCTD cho vay
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách được lập định kỳ 6 tháng/năm và được lập 02 bản: 01 bản NHTM lưu, 01 bản gửi Phòng LĐ-TB&XH huyện kèm theo các Giấy xác nhận số tiền hỗ trợ lãi suất (mẫu số 07).